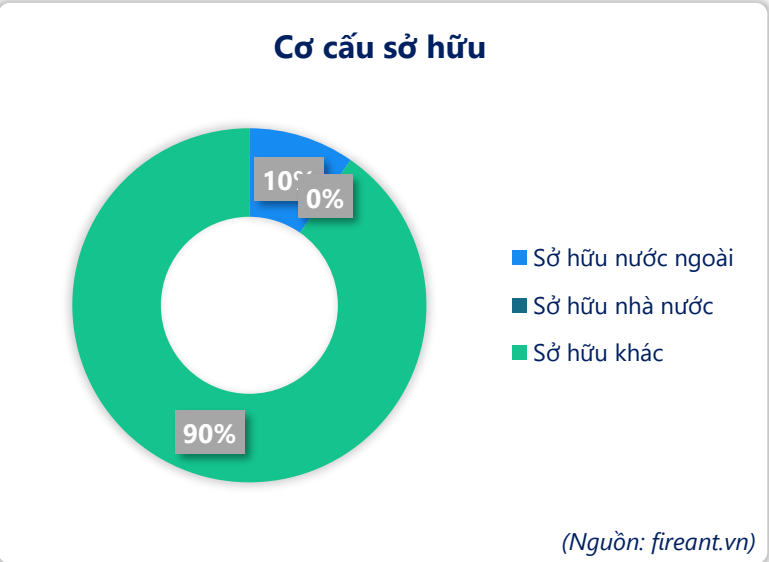
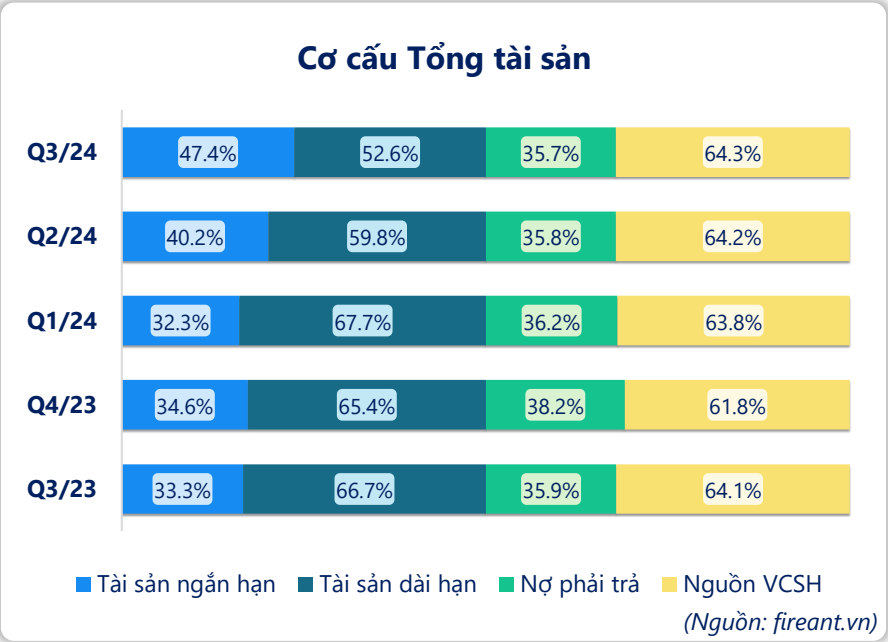
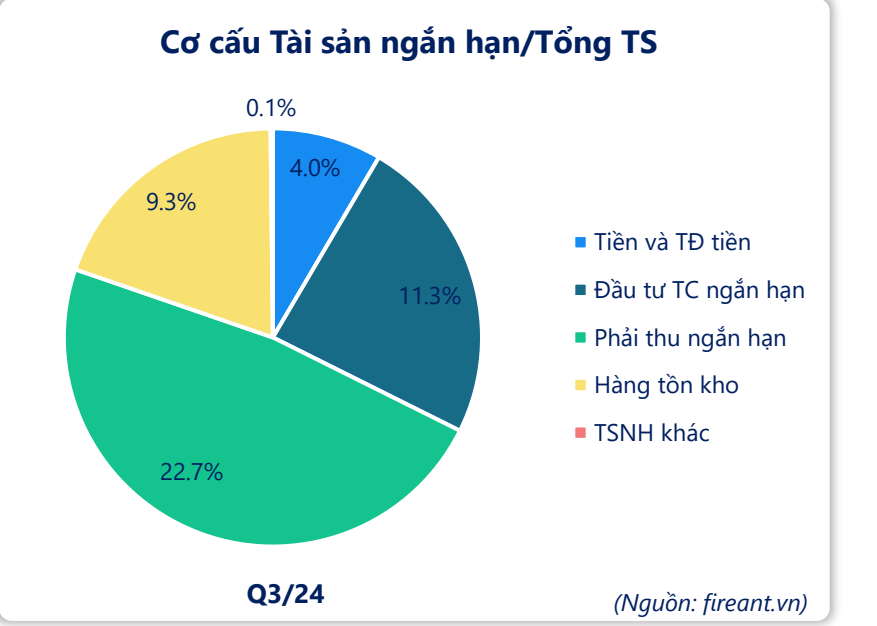
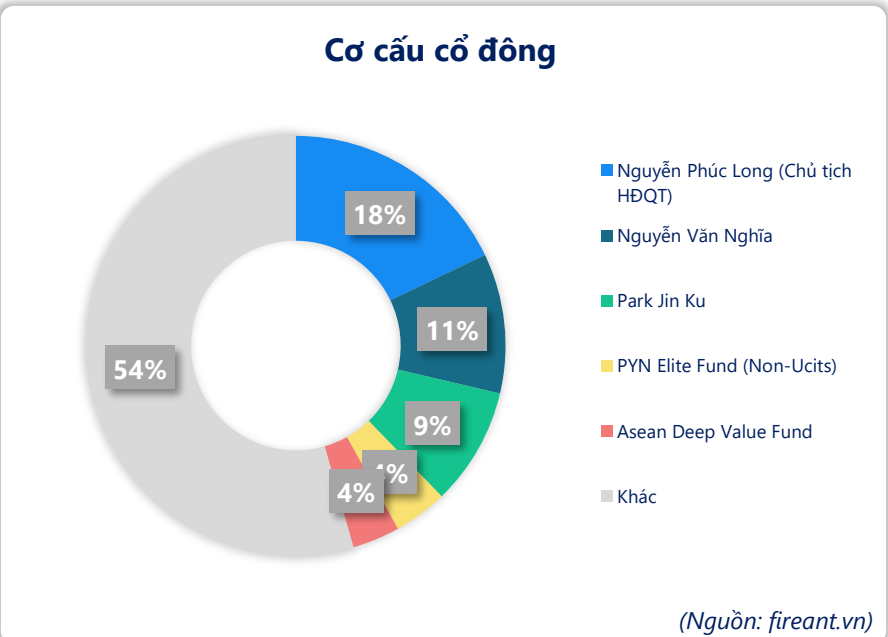
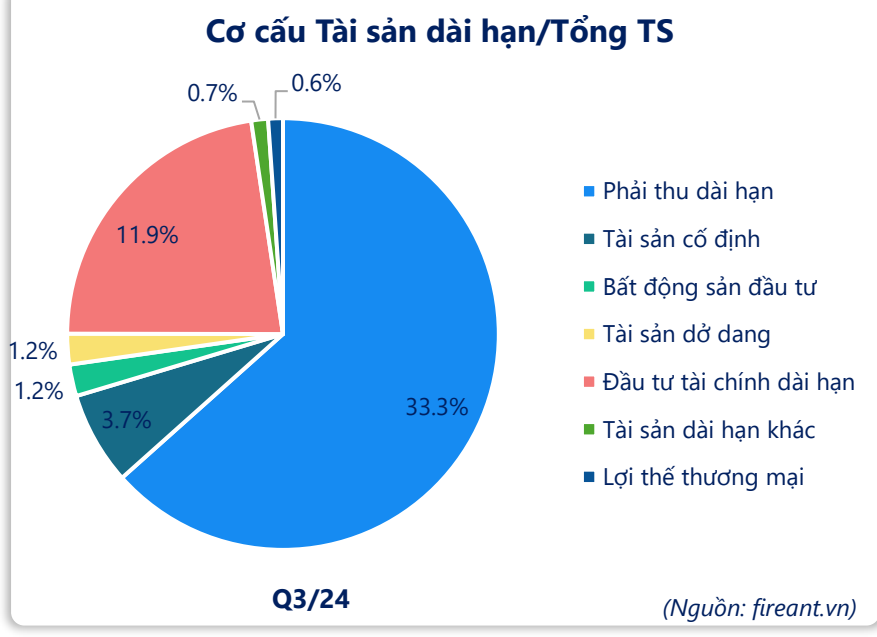
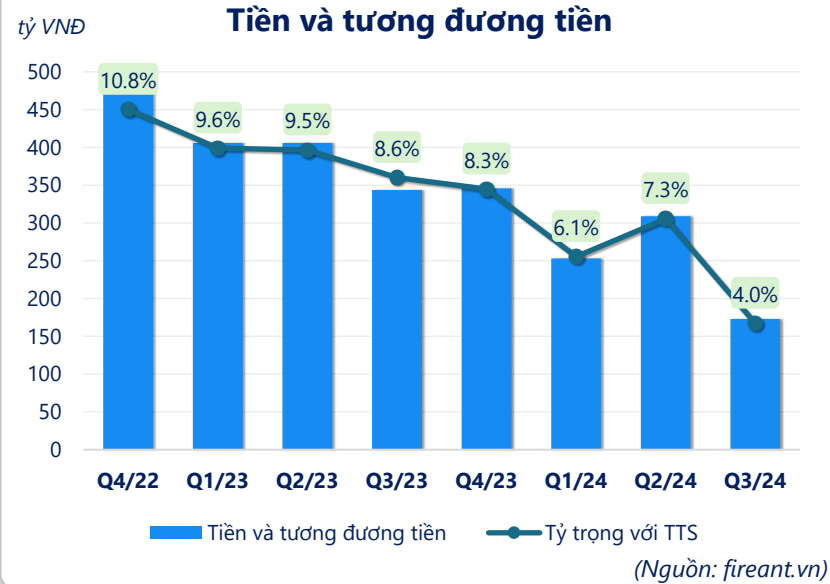
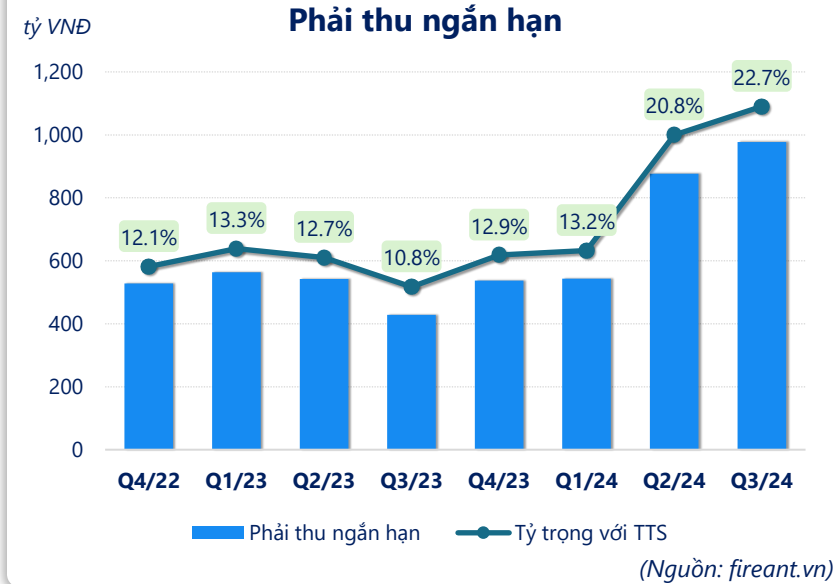
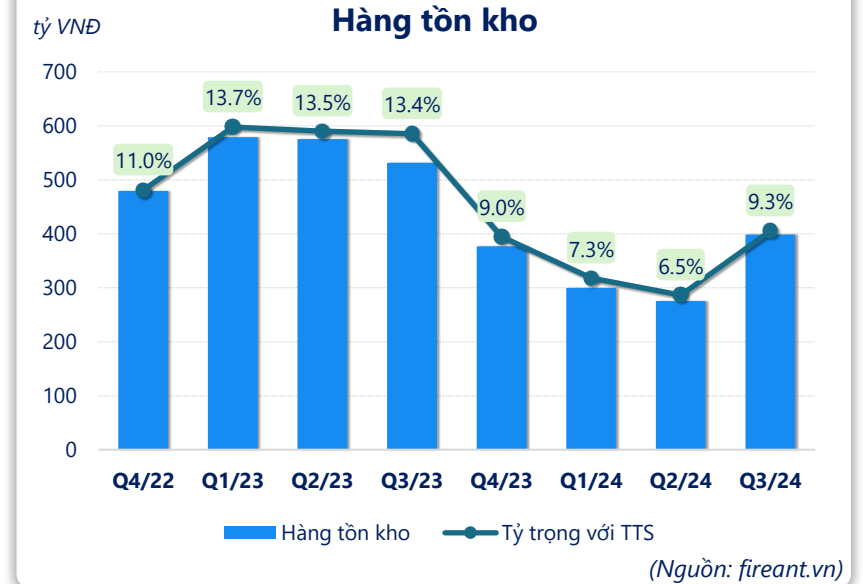
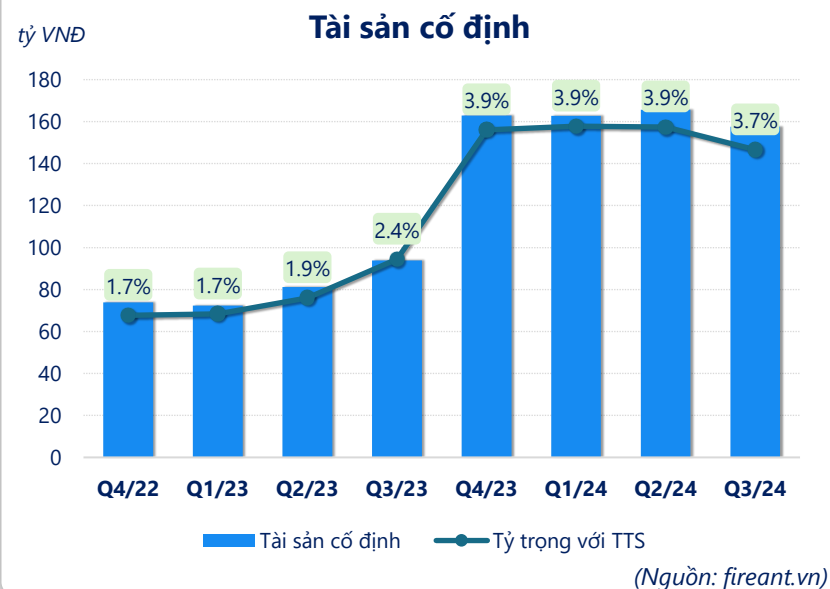
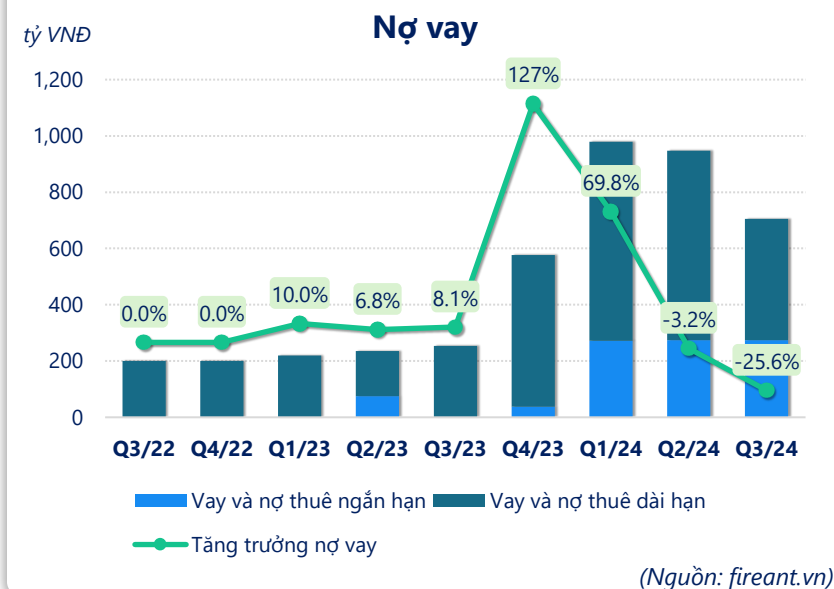
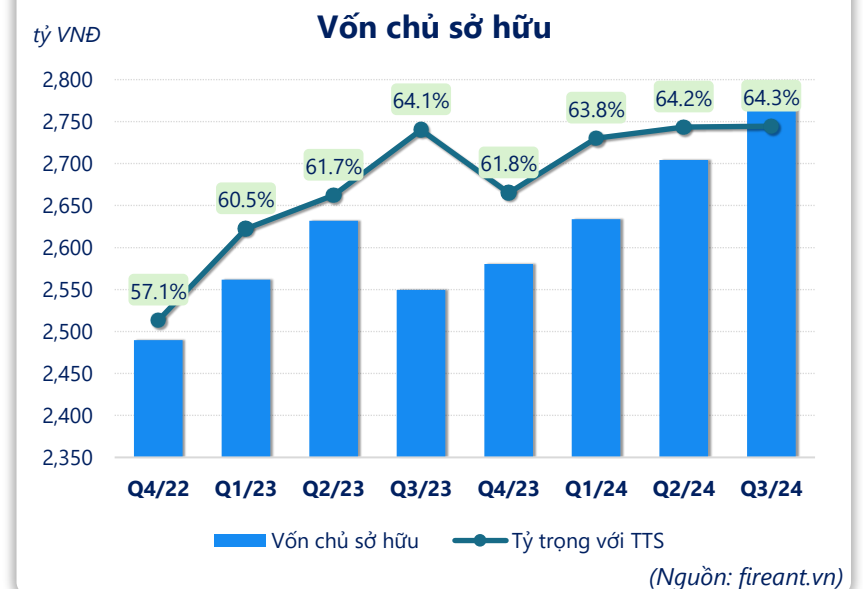
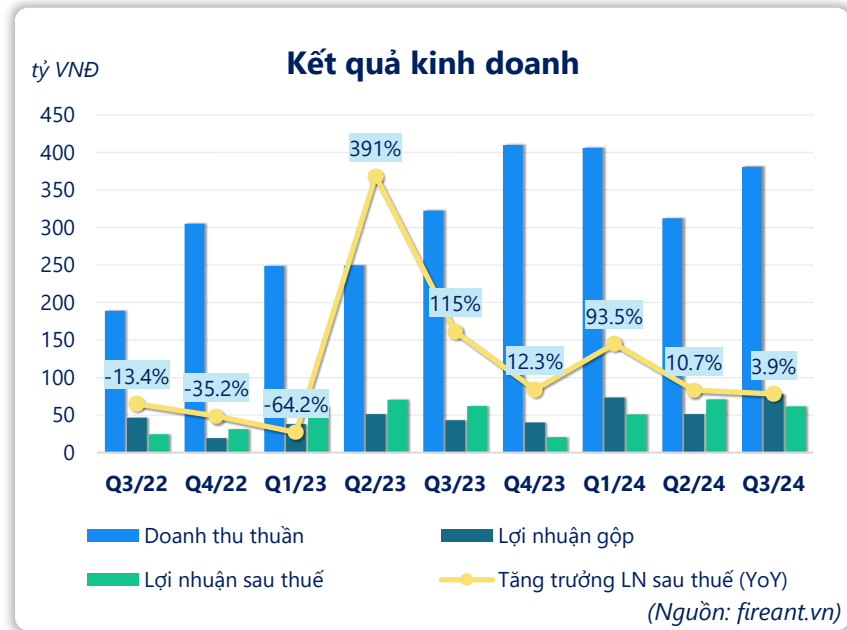
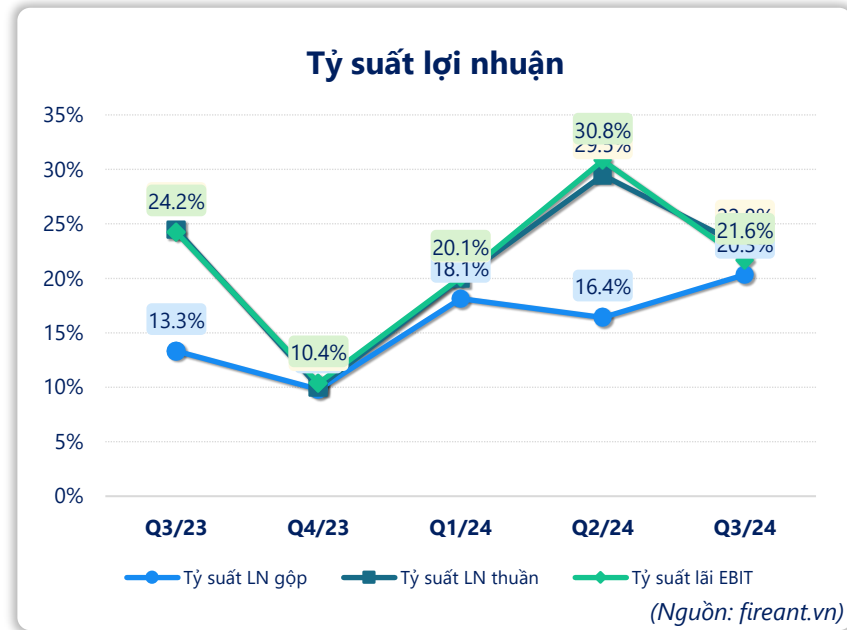
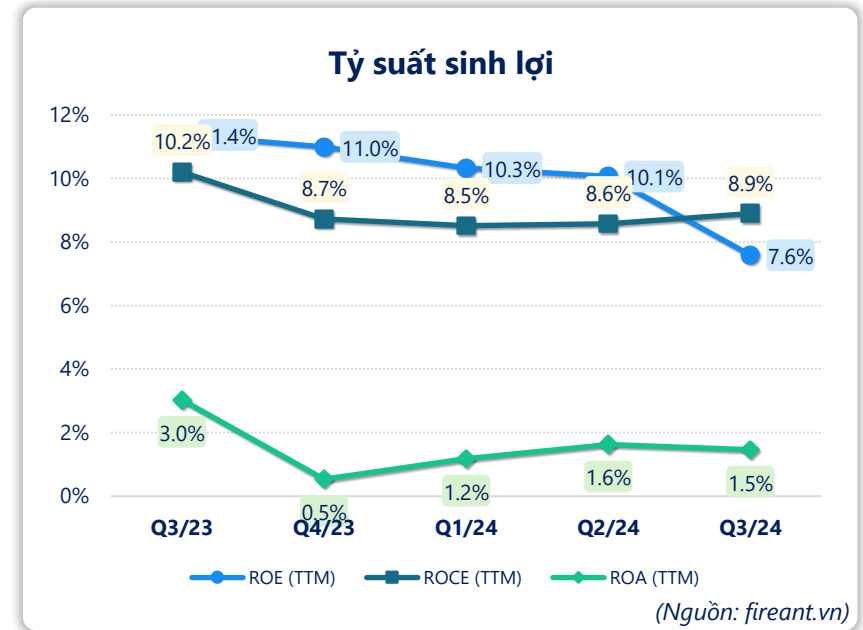
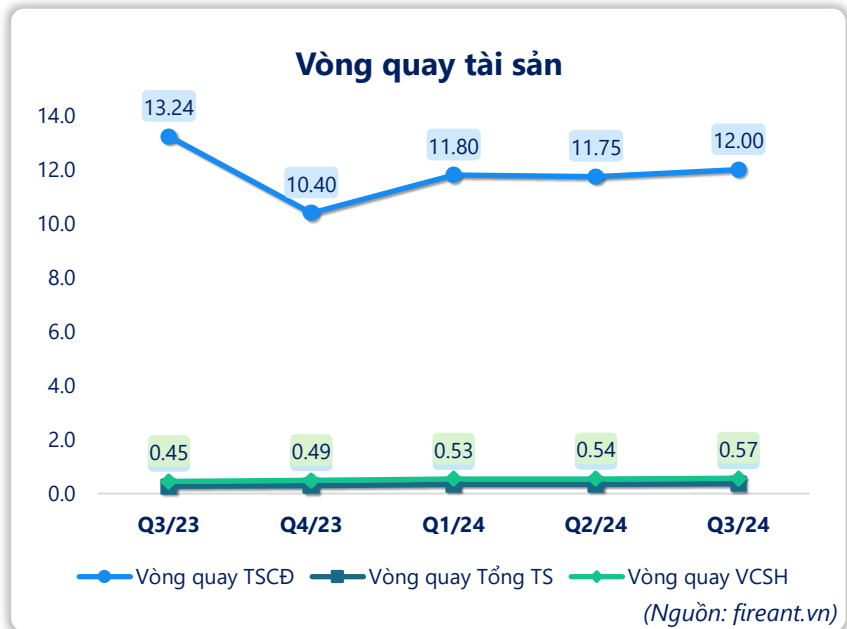
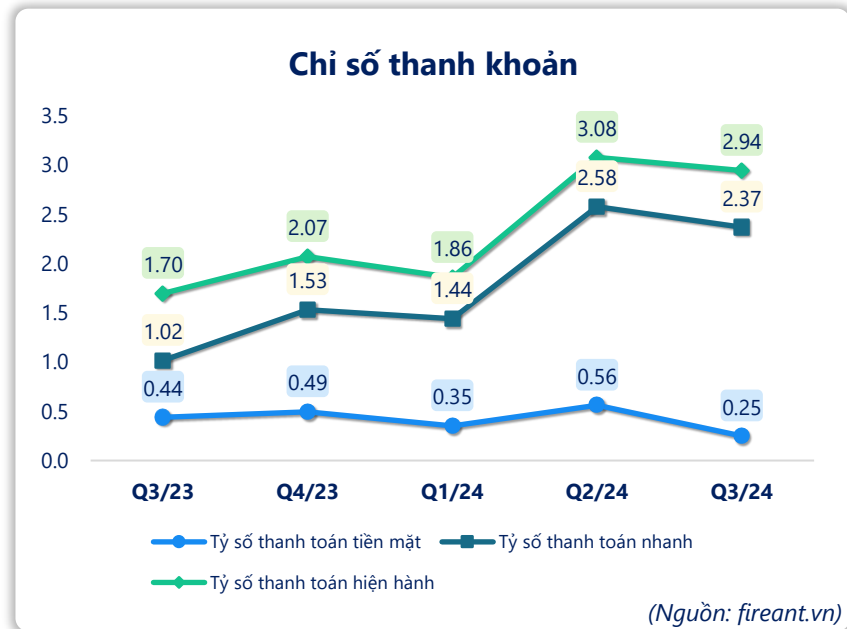
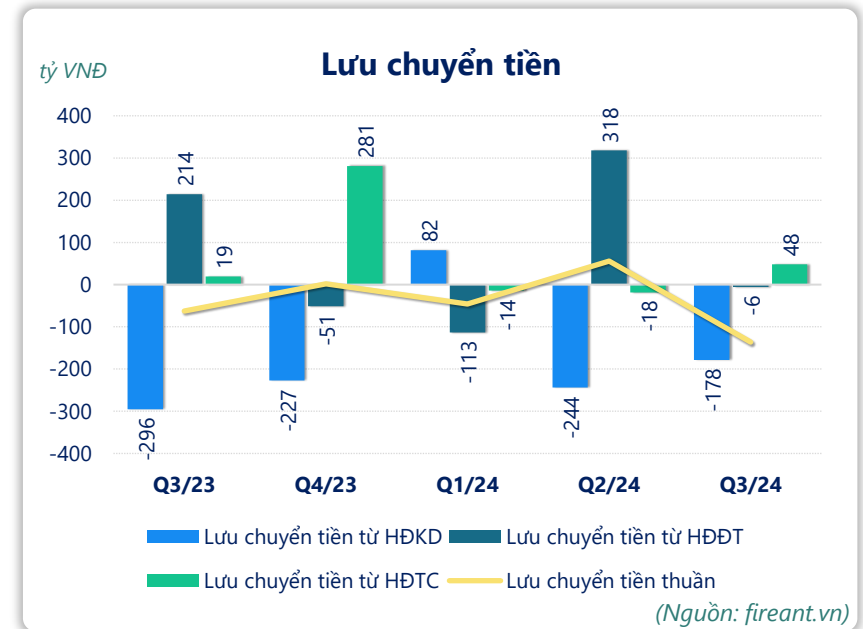


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		14,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,977
SL cổ phiếu LH		193,606,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,701,735
% sở hữu nước ngoài		9.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,730
P/E		13.5
EPS		1,041

	YTD	1T	3T	6T
TIG	13.7%	3.7%	-4.7%	4.4%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	4,303	4,142	3.9%
Tài sản ngắn hạn	2,040	1,421	43.6%
Tiền và tương đương tiền	173	299	-42.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	488	221	120%
Phải thu ngắn hạn	978	539	81.4%
Hàng tồn kho	399	346	15.2%
Tài sản ngắn hạn khác	3.74	16.3	-77.0%
Tài sản dài hạn	2,263	2,720	-16.8%
Phải thu dài hạn	1,435	1,593	-9.9%
Tài sản cố định	158	164	-3.9%
Bất động sản đầu tư	53.7	0	-45.7%
Tài sản dở dang	51.9	95.5	-45.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	512	809	-36.8%
Tài sản dài hạn khác	28.5	32.1	-11.3%
Lợi thế thương mại	24.9	27.0	-7.6%
Nợ phải trả	1,537	1,559	-1.4%
Nợ ngắn hạn	693	546	26.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	274	273	0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	171	62.7	173%
Nợ dài hạn	844	1,012	-16.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	431	720	-40.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,766	2,583	7.1%
Vốn chủ sở hữu	2,766	2,583	7.1%
Vốn điều lệ	1,936	1,936	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	322	410	406	312	381
Giá vốn hàng bán	279	370	332	261	304
Lợi nhuận gộp	43.0	40.2	73.6	51.2	77.5
Doanh thu HĐTC	53.2	10.5	17.7	57.1	22.6
Chi phí TC	0.12	3.17	0.60	7.06	4.02
Chi phí lãi vay	0.12	3.17	0.60	7.06	4.02
LN trong công ty LKLD	-4.43	4.57	0	0.08	-0.08
Chi phí bán hàng	7.33	1.74	4.74	2.36	2.01
Chi phí QLDN	5.49	9.28	4.84	6.97	6.94
LN thuần từ HĐKD	78.8	41.1	81.1	92.0	87.0
Lợi nhuận khác	-0.84	-1.74	-0.27	-2.86	-8.67
LN trước thuế	78.0	39.3	80.9	89.1	78.3
Lợi nhuận sau thuế	61.7	20.6	50.8	70.7	61.4
LNST của CĐ cty mẹ	127	22.9	49.3	68.9	60.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-296	-227	81.6	-244	-178
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	214	-51.3	-113	318	-6.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	19.1	281	-14.3	-18.5	48.4
Tiền đầu kỳ	406	344	299	253	309
Lưu chuyển tiền thuần	-62.4	2.07	-45.9	55.7	-136
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	344	346	253	309	173

(Nguồn: fireant.vn)